Đô thị hóa vùng đồng bằng sông Cửu Long dưới góc độ dân số và nguồn nhân lực

Phạm Xuân Thu(*)

Tóm tắt: *Có nhiều khía cạnh để đánh giá quá trình và mức độ đô thị hóa. Trong phạm vi bài viết, tác giả xem xét quá trình đô thị hóa các tỉnh thuộc đồng bằng sông Cửu Long (ĐBSCL) ở khía cạnh dân số và nguồn nhân lực; qua đó cung cấp một góc nhìn về quá trình đô thị hóa, xác định những vấn đề mà khu vực này đang phải đối mặt và cần lưu ý nhằm giúp các nhà hoạch định chính sách giải quyết các thách thức hiện hữu.*

Từ khóa: Đô thị hóa, Dân số, Nguồn nhân lực, Đồng bằng sông Cửu Long

Abstract: *There are various different aspects for assessing the process and degree of urbanization. The paper examines the urbanization process of the Mekong Delta provinces in terms of population and human resources, through which providing a perspective on the urbanization process in a whole, uncovering noteworthy issues the region is facing that could help policymakers address existing challenges.*

Keywords: Urbanization, Population, Human Resources, Mekong Delta

1. Đặt vấn đề

Ở Việt Nam, các chiến lược phát triển kinh tế - xã hội trong từng giai đoạn và chiến lược phát triển vùng cho thấy, đô thị hóa là cần thiết để thúc đẩy thực hiện các mục tiêu công nghiệp hóa và hiện đại hóa đất nước. Chính phủ Việt Nam đã đặc biệt chú trọng phát triển hệ thống đô thị thông qua các chiến lược và chính sách đầu tư phát triển các vùng, trong đó có vùng ĐBSCL.

ĐBSCL có vị trí địa lý nằm ở cực Nam của Việt Nam (vùng Tây Nam bộ), với 3 mặt Đông, Nam và Tây Nam giáp biển (có đường bờ biển dài 700 km), phía Tây có đường biên giới giáp với Campuchia, phía Bắc giáp với vùng kinh tế Đông Nam bộ. Diện tích tự nhiên toàn vùng là 39.747 km^2. ĐBSCL có 13 đơn vị hành chính bao gồm: 1 thành phố trực thuộc Trung ương (thành phố Cần Thơ) và 12 tỉnh (Long An, Đồng Tháp, An Giang, Tiền Giang, Bến Tre, Vĩnh Long, Trà Vinh, Hậu Giang, Kiên Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu và Cà Mau) (https://canthopromotion.vn/index.php/dongbangongcuulong/). Dân số toàn vùng tính sơ bộ đến năm 2017 là 17,738 triệu người (Tổng cục Thống kê, gso.gov.vn). Với vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên thuận lợi, ĐBSCL có tầm quan trọng đặc biệt đối với quá trình phát triển kinh tế -

(*) TS., Trường Cao đẳng Kinh tế Đối Ngoại; Email: phamxuanthu@gmail.com

xã hội đất nước và có nhiều lợi thế để phát triển bền vững trong bối cảnh hội nhập kinh tế quốc tế.

Vùng ĐBSCL đóng góp khá lớn vào nền kinh tế chung của cả nước, chiếm một phần quan trọng trong tăng trưởng kinh tế của Việt Nam từ năm 1995 đến nay. Phát triển kinh tế ở khu vực ĐBSCL đã thúc đẩy quá trình đô thị hóa và chuyển đổi kinh tế nhanh chóng trong ba thập niên qua, giúp giảm nghèo cả ở nông thôn và thành thị. Việc phân tích và đánh giá quá trình và mức độ đô thị hóa vùng ĐBSCL dưới góc độ dân số và nguồn nhân lực góp phần xác định các xu hướng, cơ hội, thách thức và ưu tiên chính sách cần thực hiện để có thể phát triển các đô thị một cách bền vững.

2. Quá trình đô thị hóa vùng đồng bằng sông Cửu Long

2.1. Từ góc độ dân số

Dân số trung bình khu vực ĐBSCL giai đoạn 1995-2005 khoảng 16,24 triệu dân, chiếm 21,0% dân số cả nước; giai đoạn 2005-2015 khoảng 17,23 triệu và giai đoạn 2015-2017 khoảng 17,66 triệu, chiếm lần lượt khoảng 19,8% và 19,1% dân số cả nước. Dân số khu vực này trong những năm qua liên tục tăng, tuy nhiên mức tăng chỉ bằng khoảng 50% mức tăng dân số bình quân cả nước tính từ năm 1995 đến nay. Nếu như giai đoạn 1995-2005, mức tăng dân số bình quân cả nước đạt 1,3% thì khu vực ĐBSCL chỉ đạt 0,8%; giai đoạn 2005-2015, mức tăng dân số bình quân cả nước giảm xuống còn 1,1% thì khu vực ĐBSCL giảm xuống còn 0,5%; và giai đoạn 2015-2017, mức tăng dân số bình quân cả nước là 1,0% thì ĐBSCL chỉ còn 0,4% (*Niên giám thống kê* các năm từ 2001-2017). Đây là vấn đề cần nghiên cứu sâu khi hoạch định chính sách phát triển khu vực này, đặc biệt là mức độ đáp ứng của nguồn nhân lực đối với quá trình tăng tốc độ đô thị hóa trong thời gian tới.

Trong khu vực ĐBSCL, Cần Thơ có tỷ lệ dân số thành thị chiếm 67,1%, cao hơn mức trung bình khu vực 2,63 lần và trung bình cả nước 1,92 lần, chỉ đứng sau thành phố Hồ Chí Minh (80,8%) và cao hơn Hà Nội (58,9%). Bên cạnh đó, các tỉnh trong khu vực có tỷ lệ dân số thành thị cao hơn mức trung bình của vùng là An Giang (chiếm 30,7%), Sóc Trăng (30,6%), Kiên Giang (29,5%), Bạc Liêu (29,3%) và Hậu Giang (25,8%) (*Niên giám thống kê năm 2017*).

Trong giai đoạn 1995-2010, mức độ đô thị hóa tăng nhanh chóng tại các tỉnh An Giang, Kiên Giang, Cần Thơ, Hậu Giang, Sóc Trăng, Bạc Liêu (nhóm 1). Trong đó, Cần Thơ có mức tăng dân cư đô thị cao và lớn nhất toàn vùng sau khi tách từ Hậu Giang (từ 14% dân cư đô thị năm 1995 lên 49,3% năm 2005 và tăng lên 65,8% năm 2010); tiếp đến là Kiên Giang (từ 16,4% năm 1995 lên 25,4% năm 2010). Hai tỉnh/thành này đều đạt mức tăng bình quân năm trên 1 điểm phần trăm, cao hơn mức

Hình 1. Biến động dân cư thành thị các tỉnh ĐBSCL có tỷ lệ dân cư thành thị cao giai đoạn 1995-2017

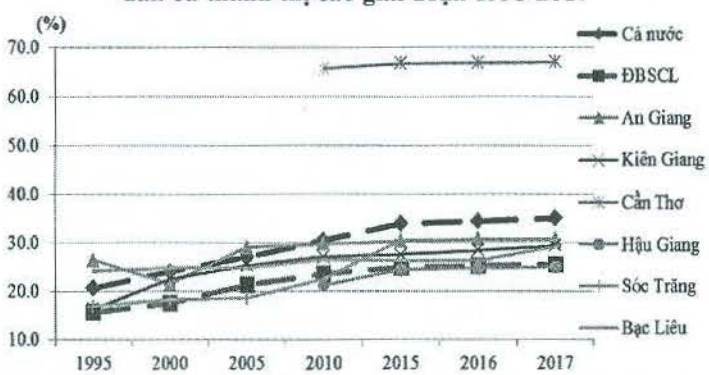

Nguồn: *Niên giám thống kê* các năm 1995, 2000, 2010, 2017.

tăng bình quân năm của cả nước (0,9 điểm phần trăm/năm) và toàn vùng ĐBSCL (0,7 điểm phần trăm/năm). Mức độ đô thị hóa tăng đột biến ở hai tỉnh/thành này là do việc quyết định nâng cấp đô thị kéo theo một loạt dự án phát triển đô thị được triển khai tại các địa phương này. Sóc Trăng cũng là tỉnh có mức tăng trưởng đô thị hóa khá cao trong giai đoạn này (0,5 điểm %/năm) (Xem hình 1).

Trong số các tỉnh có tỷ lệ dân cư thành thị thấp giai đoạn 1995-2017 (nhóm 2), Cà Mau là tỉnh có mức độ đô thị hóa cao nhất (từ 16,9% năm 1995 lên 22,7% năm 2017), Bến Tre vẫn được xem là tỉnh thuần nông (với 4,9% năm 1995 và chỉ đạt 10,7% năm 2017). Giai đoạn 1995-2010, hầu hết các các tỉnh thuộc vùng ĐBSCL có tỷ lệ dân cư đô thị tăng, trong đó hai tỉnh có mức tăng cao nhất ở nhóm này là Trà Vinh (từ 5,9% năm 1995 lên 15,4% năm 2010, với mức tăng bình quân 0,9 điểm %/năm) và Bến Tre (mức tăng bình quân 0,5 điểm phần trăm/năm). Giai đoạn 2010-2017, đa số các tỉnh thuộc nhóm này có mức độ tăng trưởng về dân cư đô thị rất thấp (0,1 điểm phần trăm/năm) hoặc không tăng (hình 2). Có thể nói, mức độ sản xuất công nghiệp ở các khu vực này còn thấp, các tỉnh này chủ yếu hoạt động sản xuất nông nghiệp.

Dân số toàn vùng trong giai đoạn 1995-2017 tăng khoảng 2,2 triệu, tức tốc độ tăng bình quân là 0,617%/năm, trong khi tăng tự nhiên khoảng 1,017%/năm, cho thấy có một lượng xuất cư lớn khỏi vùng. Tỷ suất xuất cư bình quân khoảng 6,7‰/năm. Từ năm 2005 đến 2017, tổng số người nhập cư khoảng 250 nghìn người, trong khi xuất cư khoảng 1,2 triệu người - chủ yếu là đến vùng Đông Nam bộ và thành phố Hồ Chí Minh (*Niên giám thống kê* các năm 1995, 2000, 2010, 2017).

Hình 2. Biến động dân cư thành thị các tỉnh ĐBSCL có tỷ lệ dân cư thành thị thấp

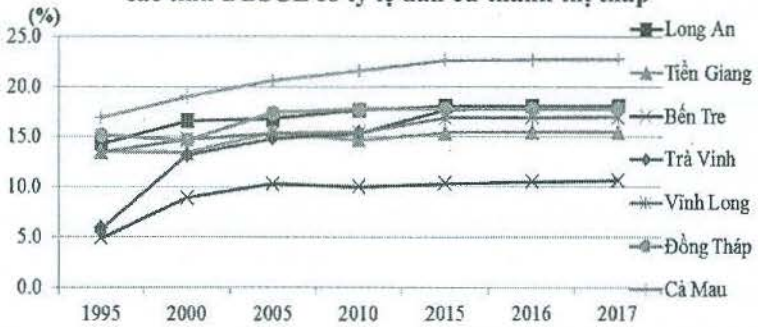

Nguồn: Niên giám thống kê các năm 1995, 2000, 2010, 2017.

Kết quả phân tích trên cho thấy sự phân hóa rõ rệt về mức độ đô thị hóa giữa hai nhóm tỉnh/thành thuộc ĐBSCL. Các tỉnh thuộc nhóm 2 (trừ Cà Mau là tỉnh có thể đạt được mức độ đô thị hóa trung bình do có sự đầu từ lớn từ các dự án khí điện đạm của ngành dầu khí) không có điều kiện đầu tư cơ sở hạ tầng để phát triển kinh tế đô thị. Trong đó, Bến Tre là tỉnh tụt hậu xa so với các tỉnh còn lại về mức độ đô thị hóa. Đây là vấn đề cần được xem xét khi hoạch định chính sách phát triển vùng ĐBSCL.

Tình trạng dịch cư lớn diễn ra song song với quá trình chuyển đổi kinh tế nông nghiệp, nông thôn của vùng ĐBSCL. Nhiều nông dân bị mất ruộng đất dẫn đến một lượng lao động bị dư thừa theo mùa, họ chuyển dịch sang các ngành cần ít nhân công hơn (chẳng hạn chuyển từ sản xuất lúa gạo sang thủy sản). 13 tỉnh/thành của vùng có tình trạng xuất cư, trong đó Hậu Giang, Cà Mau, Bạc Liêu, Bến Tre, An Giang, Trà Vinh, Sóc Trăng là các tỉnh có tỷ suất xuất cư cao. Theo một nghiên cứu gần đây của GS. Alex Chapman (Đại học Southampton,

Vương quốc Anh) và GS. Văn Phạm Đăng Trì (Đại học Cần Thơ), làn sóng di cư gia tăng trong một thập niên qua đã khiến vùng ĐBSCL mất đi 1 triệu dân trên tổng dân số khoảng 17,7 triệu người. Cụ thể là, có 1,7 triệu dân di cư khỏi vùng này, trong khi chỉ có khoảng 700 nghìn dân đến định cư ở đây. Tỷ lệ di cư này cao gấp đôi mức trung bình của cả nước (*Báo cáo Biến đổi khí hậu vùng ĐBSCL - The Conversation, 2016*).

Tình trạng nghèo đói cũng dẫn đến di cư, khiến mức độ phân hóa đô thị giữa các vùng ở mức cao và tình trạng di cư xảy ra nhiều hơn trong các năm qua. Tình trạng nghèo đói ở đô thị và nông thôn của các tỉnh ĐBSCL đã có những cải thiện từ năm 2010 đến 2015, tỷ lệ nghèo đói bình quân của vùng giảm từ 14,0% xuống còn 5,1%, giảm 9,1 điểm phần trăm. Tuy nhiên, năm 2016 mức độ nghèo của vùng tăng đột ngột (lên 8,8%, tăng 3,7 điểm phần trăm so với năm 2010) (*Niên giám thống kê* các năm 2010, 2015, 2017). Lý giải cho tình trạng này là do có sự xâm ngập mặn sâu vào đồng ruộng và các khu vực đô thị ven sông dẫn đến trồng trọt, chăn nuôi thủy sản bị ảnh hưởng nghiêm trọng. Điều này cho thấy các tỉnh thuộc ĐBSCL bị phụ thuộc nhiều vào biến đổi khi hậu và rất dễ xảy ra tình trạng tái nghèo, đặc biệt là ở các khu vực ven sông.

2.2. Từ góc độ nguồn nhân lực

Theo Tổng cục Thống kê, lực lượng lao động của vùng ĐBSCL năm 2017 khoảng 10,6 triệu người, chiếm tỷ trọng 19,35% tổng lực lượng lao động của cả nước. Tổng số lao động tại khu vực thành thị vùng ĐBSCL là 2,75 triệu người (*Niên giám thống kê năm 2017*).

Lực lượng lao động của vùng năm 2017 tăng 468 nghìn người so với năm 2010, tức tăng khoảng 4,6%, thấp hơn mức tăng chung của cả nước (8,8%). Năm 2017, các tỉnh trong vùng có tỷ trọng lực lượng lao

Bảng 1. Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên phân theo địa phương

(Đơn vị: Nghìn người)

Năm	2010	2014	2015	2016	2017	Tỷ trọng 2017 (%)
Cả nước	***50.393***	***53.748***	***53.984***	***54.445***	***54.824***	-
ĐBSCL	***10.129***	***10.289***	***10.335***	***10.519***	***10.597***	***100***
Long An	854	891	893	899	901	***8,5***
Tiền Giang	1.012	1.051	1.081	1.102	1.113	***10,5***
Bến Tre	793	809	809	807	810	7,6
Trà Vinh	584	610	611	616	619	5,8
Vĩnh Long	613	628	628	630	636	6,0
Đồng Tháp	989	1.017	1.018	1.112	1.121	***10,6***
An Giang	1.255	1.218	1.219	1.228	1.234	***11,6***
Kiên Giang	966	1.007	1.005	1.006	1.008	***9,5***
Cần Thơ	681	700	693	713	727	6,9
Hậu Giang	456	453	463	472	480	4,5
Sóc Trăng	762	700	704	712	723	6,8
Bạc Liêu	488	506	507	513	516	4,9
Cà Mau	677	700	704	709	710	6,7

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2017.

động cao là An Giang (11,6%), Đồng Tháp (10,6%), Tiền Giang (10,5%), Kiên Giang (9,5%) và Long An (8,5%). So với năm 2010, mức tăng về lực lượng lao động cao nhất là Đồng Tháp (13,3%) và Tiền Giang (10,1%); các tỉnh có mức tăng trưởng âm về lực lượng lao động là Sóc Trăng (giảm 5,1%, tương đương giảm 39 nghìn người) và An Giang (giảm 1,7%, tương đương giảm 21 nghìn người) (Tính toán của tác giả từ bảng 1).

Về tình trạng thất nghiệp và thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi phân theo vùng và thành thị năm 2017, ĐBSCL chiếm 5,3%, tương đương khoảng 145 nghìn người, cao hơn các khu vực khác và mức trung bình của cả nước (4,0%), xấp xỉ khu vực Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung (5,2%) (bảng 2). Điều này có thể dẫn tới việc di cư lao động từ khu vực này tới khu vực Đông Nam bộ sẽ tiếp tục diễn ra trong thời gian tới.

Về chất lượng nguồn nhân lực, tỷ lệ lao động đã qua đào tạo của khu vực ĐBSCL có mức tăng trưởng gần gấp đôi trong 15 năm qua, từ 5,8% năm 2000 lên 10,4% năm 2015, đặc biệt vài năm trở lại đây có mức tăng trưởng nhanh từ 7,9% năm 2010 lên 10,4% năm 2015 và 12,2% năm 2016, mức tăng tương ứng so với năm 2010 là 2,5 và 4,3 điểm phần trăm. Tỷ lệ lao động có trình độ chuyên môn đại học tăng từ 1,8% năm 2000 lên 2,9% năm 2010 và 5,5% năm 2016, tăng gấp 3 lần so với năm 2000 và

Bảng 2. Tỷ lệ thất nghiệp và thiếu việc làm của lực lượng lao động trong độ tuổi phân theo vùng và theo thành thị

(Đơn vị: %)

Khu vực	2010			2015			2017		
	Thất nghiệp	Thiếu việc	*Tổng*	Thất nghiệp	Thiếu việc	*Tổng*	Thất nghiệp	Thiếu việc	*Tổng*
Cả nước	4,3	1,8	***6,1***	3,4	0,8	***4,2***	3,2	0,8	***4,0***
ĐBSCL	4,1	2,8	***6,9***	3,2	1,6	***4,8***	3,6	1,7	***5,3***
Đông Nam bộ	4,7	0,6	***5,3***	3,1	0,3	***3,4***	2,8	0,5	***3,3***
Đồng bằng sông Hồng	3,7	1,6	***5,3***	3,4	0,8	***4,2***	3,2	0,6	***3,8***
Bắc Trung bộ và duyên hải miền Trung	5,0	2,9	***7,9***	4,5	1,4	***5,9***	4,0	1,2	***5,2***

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2017.

Bảng 3. Tăng trưởng tỷ lệ lao động đã qua đào tạo của khu vực ĐBSCL

(Đơn vị: %)

Năm	2000	2005	2010	2015	2016
Tổng số	***5,8***	***6,6***	***7,9***	***10,4***	***12,2***
Dạy nghề	1,2	1,4	1,8	2,4	2,6
Trung cấp	2,0	2,2	2,1	2,3	2,6
Cao đẳng	0,8	0,9	1,1	1,2	1,5
Đại học trở lên	1,8	2,1	2,9	4,5	5,5

Nguồn: Báo cáo Điều tra Lao động việc làm các năm 2009, 2014; *Niên giám thống kê năm 2017.*

1,9 lần so với năm 2010, trong khi đó lao động có tay nghề trung cấp và dạy nghề có mức tăng thấp hơn, tương ứng 1,6 và 1,3 lần (Xem bảng 3).

Tỷ lệ thanh niên tham gia lực lượng lao động có sự chênh lệch giữa nam (61,1%) và nữ (55,1%) và không đồng đều giữa các vùng, ở khu vực nông thôn cao hơn khu vực thành thị tới 16,8 điểm phần trăm. Ở cả nhóm nam giới và nữ giới đều có sự chênh lệch giữa khu vực nông thôn và thành thị, song mức độ chênh lệch của nam giới (18,8 điểm phần trăm) lớn hơn của nữ giới (14,4 điểm phần trăm) (*Niên giám thống kê năm 2017*).

Tất cả các tỉnh/thành thuộc khu vực ĐBSCL đều có sự tăng trưởng về tỷ lệ lao động đã qua đào tạo từ năm 2010 đến năm 2017, trong đó: Cần Thơ là 9,2 điểm phần trăm so với năm 2010; Đồng Tháp 8,8 điểm phần trăm, cao hơn mức tăng bình quân cả nước là 6,8 điểm phần trăm và của khu vực ĐBSCL là 4,2 điểm phần trăm; tiếp đến là Vĩnh Long (5,5 điểm phần trăm), Long An (4,7 điểm phần trăm), An Giang (4,4 điểm phần trăm) (Xem bảng 4).

Phân tích trên cho thấy, tuy ĐBSCL có lực lượng lao động dồi dào nhưng lực lượng lao động đã qua đào tạo chiếm tỷ lệ rất thấp. Đô thị hóa dẫn đến nhu cầu đào tạo nguồn nhân lực ở ĐBSCL cao. Hiện tại, toàn vùng có 42 trường đại học, cao đẳng và 30 trường trung cấp chuyên nghiệp (bao gồm cả những trường mới có quyết định thành lập). Mặc dù ĐBSCL có nhiều cơ sở đào tạo nhân lực nhưng số lượng và chất lượng vẫn chưa đáp ứng được nhu cầu của địa phương. Bên cạnh đó, nguồn ngân sách nhà nước đầu tư cho giáo dục - đào tạo, dạy nghề ở vùng

Bảng 4. Tỷ lệ lao động từ 15 tuổi trở lên đang làm việc trong nền kinh tế đã qua đào tạo phân theo địa phương

(Đơn vị: %)

Năm	2010	2014	2015	2016	2017	2017 so với 2010
Cả nước	**14,6**	**18,2**	**19,9**	**20,6**	**21,4**	**6,8**
ĐBSCL	***7,9***	***10,3***	***11,4***	***12,0***	***12,1***	**4,2**
Long An	9,7	10,9	11,8	12,6	***14,4***	***4,7***
Tiền Giang	8,9	8,9	13,0	11,7	10,2	1,3
Bến Tre	9,0	9,4	12,5	12,2	***12,8***	3,8
Trà Vinh	8,1	13,0	10,3	11,7	11,7	3,6
Vĩnh Long	7,8	12,0	13,7	14,4	***13,3***	***5,5***
Đồng Tháp	6,0	8,7	10,8	11,6	***14,8***	***8,8***
An Giang	7,2	9,8	8,5	10,1	11,6	***4,4***
Kiên Giang	9,4	9,3	10,5	12,3	10,6	1,2
Cần Thơ	11,8	16,9	18,5	19,9	***21,0***	***9,2***
Hậu Giang	5,7	9,7	11,4	9,8	8,8	3,1
Sóc Trăng	5,7	10,4	9,9	9,8	9,8	4,1
Bạc Liêu	6,7	9,6	8,6	9,9	8,2	1,5
Cà Mau	5,8	7,1	9,7	10,2	9,6	3,8

Nguồn: Niên giám thống kê năm 2017.

ĐBSCL còn thấp so với nhu cầu thực tế, cũng như so với mức bình quân chung của cả nước và chưa tương xứng với quy mô, vị trí của vùng ĐBSCL.

3. Một số đề xuất nhằm phát triển đô thị vùng đồng bằng sông Cửu Long

Để phát triển các đô thị ở các tỉnh thuộc vùng ĐBSCL, gắn với vấn đề dân số đô thị và nguồn nhân lực phục vụ cho việc phát triển đô thị, cần có những cơ chế và chính sách cụ thể gắn với đời sống và việc làm cho khu vực này. Một số đề xuất cụ thể là:

3.1. Về cơ chế và chính sách phát triển đô thị

- Chính phủ cần cung cấp tài chính cho việc phát triển đô thị tại các tỉnh thuộc vùng ĐBSCL với cơ chế phân phối hợp lý, tiên tiến, bao gồm quan hệ đối tác công tư đang nổi lên ở các vùng nông thôn đang dần đô thị hóa. Ví dụ về hệ thống cung cấp điện và nước cho các khu vực của vùng, các doanh nghiệp tư nhân đã đóng vai trò phân phối tốt, bộ máy không cồng kềnh và do đó giảm được chi phí.

- Kết nối các địa điểm, các địa phương có cơ sở hạ tầng tốt hơn (đặc biệt các khu vực có thế mạnh về kinh tế) với các khu vực lân cận để dẫn dắt các khu vực này phát triển. Chẳng hạn lấy Cần Thơ, Cà Mau, Kiên Giang... làm đầu tàu trong việc thúc đẩy mức độ đô thị hóa khu vực.

- Kết nối và liên kết tốt mạng lưới phương tiện giao thông và mạng lưới điện giữa các thành phố nhỏ hơn để thu hút các ngành công nghiệp từ các thành phố lớn (khi mà chi phí đất đai, dịch vụ, nhân công ở các thành phố lớn là rất đắt). Phát triển các ngành công nghiệp tại các thành phố nhỏ làm cơ sở cung cấp sản phẩm cho các thành phố lớn, và phát triển các dịch vụ hạ tầng tại các thành phố lớn làm cơ sở kết nối phát triển các đô thị nhỏ.

3.2. Về phát triển nguồn nhân lực cho đô thị

- Trong 10 năm trở lại đây, ĐBSCL đã xây dựng và phát triển nhiều trường đại học, là có sở cho việc phát triển nguồn nhân lực đô thị trong vùng, tuy nhiên chất lượng đào tạo cũng cần được kiểm định thường xuyên. Nhiều tỉnh trong vùng đang kỳ vọng vào cơ sở đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao từ thành phố Cần Thơ.

- Hoàn thiện mạng lưới trường lớp, thực hiện kiên cố hóa, chuẩn hóa cơ sở vật chất trường, lớp học ở tất cả các cấp học, đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng giáo dục - đào tạo nhằm mục tiêu phát triển nguồn nhân lực khi thực hiện đô thị hóa các vùng nông thôn.

- Mỗi địa phương và từng cơ sở giáo dục - đào tạo trong khu vực ĐBSCL xây dựng kế hoạch phát triển đội ngũ giáo viên, giảng viên và cán bộ quản lý giáo dục - đào tạo các cấp đủ về số lượng, hợp lý về cơ cấu và đảm bảo chất lượng. Đẩy mạnh đào tạo đội ngũ giảng viên có trình độ cao để bắt kịp với việc đô thị hóa cho từng địa phương theo quy mô và năng lực phát triển đô thị của từng tỉnh trong khu vực.

- Cần gắn mạng lưới hệ thống cơ sở đào tạo với đặc thù từng địa phương trong quá trình đô thị hóa. Chú trọng đầu tư, nâng cấp, mở rộng mạng lưới các trường đào tạo, đa dạng hóa các loại hình đào tạo, đẩy mạnh đào tạo liên thông, tạo cơ hội học tập cho nhiều người.

4. Kết luận

Sự tăng trưởng kinh tế của vùng ĐBSCL chủ yếu được thúc đẩy bởi hai đô thị lõi là Cần Thơ và Kiên Giang cùng với các vùng kinh tế phụ cận. Các khu công nghiệp, đặc biệt là sản xuất chế tạo, tập trung ở các đô thị lớn của vùng và các vùng lân cận, hoặc tại các tỉnh tiếp giáp với biển. Đây là những

vùng hoạt động kinh tế mạnh, thu hút lực lượng lao động có kỹ năng cao, củng cố và tăng cường sự tập trung kinh tế. Cần Thơ cùng các vùng lân cận có vai trò trọng yếu để tối đa hóa lợi ích từ sự tập trung kinh tế và tăng cường khả năng cạnh tranh của nền kinh tế vùng ĐBSCL.

Cung cấp cơ sở hạ tầng và dịch vụ ở các khu đô thị đông dân cư thường rẻ hơn ở các khu vực nông thôn, tuy nhiên tốc độ tăng dân số nhanh chóng là một thách thức lớn đối với nhiều khu vực đô thị ở các tỉnh/ thành nói chung và khu vực ĐBSCL nói riêng. Những thách thức này chủ yếu liên quan đến tình trạng thiếu nhà ở, thiếu cơ sở hạ tầng và dịch vụ, các dạng tắc nghẽn khác nhau về thoát nước và giao thông. Di cư cũng tạo ra sự thiếu hụt về nguồn nhân lực, đặc biệt là nguồn nhân lực có tay nghề, phục vụ cho quá trình đô thị hóa của từng tỉnh trong vùng ĐBSCL. Tuy nhiên, hạn chế di cư, trong đó có nguồn nhân lực có tay nghề, không phải là giải pháp vì vấn đề không phải là dân số đô thị tăng trưởng nhanh chóng mà là cần phải có chiến lược, chính sách và kế hoạch chủ động (và ý chí chính trị) để thích ứng với nó □

Tài liệu tham khảo

1. "Báo cáo biến đổi khí hậu vùng đồng bằng sông Cửu Long", *Tạp chí Khoa học Online - The Conversation*, 2016.
2. Tổ chức Di cư Quốc tế (IOM) - Liên Minh châu Âu (2015), *Báo cáo "Đánh giá bằng chứng: di cư, môi trường và biến đổi khí hậu tại Việt Nam"*.
3. Tổng cục Thống kê (2010), Tổng điều tra dân số và nhà ở Việt Nam năm 2009, *Di cư và đô thị hóa ở Việt Nam: Thực trạng, xu hướng và những khác biệt*, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
4. Tổng cục Thống kê (2018), Báo cáo *Điều tra Lao động việc làm* các năm 2009, 2014, 2017, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
5. Tổng cục Thống kê, *Niên giám thống kê* các năm 2001, 2010, 2011, 2012, 2013, 2014, 2015, 2016, 2017, Nxb. Thống kê, Hà Nội.
6. Tổng cục Thống kê, Số liệu mục *Dân số và lao động năm 2017*, trên trang gso.gov.vn, truy cập ngày 05/6/2019
7. https://canthopromotion.vn/index.php/dongbangongcuulong/